

Bản án số: 72/2022/DS-ST
Ngày: 29/7/2022
V/v tranh chấp “*hợp đồng dân sự, hui*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dứt

2. Bà Phạm Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLST- DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “*Hợp đồng dân sự, hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 252/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 281/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa B, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị X, sinh năm 1961; nơi cư trú: tổ 19, ấp M.Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1961; nơi cư trú: tổ 19, ấp M.Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T trình bày: do quen biết và là người địa phương với nhau bà có tham gia nhiều dây hui do bà Trần Thị X (sáu X) làm chủ, bà đã đóng

nhiều kỳ trong các dây, hụi chưa mẫn nhưng bà X tự ý ngưng hụi, bỏ địa phương đi cho đến nay, cụ thể:

+ Dây hụi thứ nhất: hụi 10.000.000 đồng, khai ngày 24/9/2020A1, có 26 hụi viên, bà tham gia 01 chân, 01 tháng khai 01 lần, đã đóng được 14 lần với số tiền 113.400.000 đồng, hụi chưa mẫn, bà X tự ý ngưng hụi đến nay không giao dịch hụi; dây hụi này, bà X nợ bà số tiền 113.400.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai: hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 25/02/2021A1, có 25 hụi viên, 01 tháng khai một lần, bà tham gia 02 chân, đã đóng 09 lần và mua hụi với tổng số tiền 57.600.000 đồng, hụi chưa mẫn, bà X tự ý ngưng hụi đến nay không giao dịch hụi.

Ngoài ra, ngày 26/3/2021A1, bà có cho bà Trần Thị X vay số tiền 230.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Sau khi vay, bà X chưa trả tiền vốn hay đóng bất cứ khoản tiền lãi nào cho bà.

Tổng cộng, bà Trần Thị X nợ bà số tiền hụi và tiền vay 401.000.000 đồng (bốn trăm lẻ một triệu).Giữa bà Trần Thị X và ông Nguyễn Ngọc N là vợ chồng, hôn nhân vẫn còn tồn tại, còn chung sống cùng nhau; bà X làm chủ hụi để làm vốn kinh doanh và sinh hoạt chung trong gia đình.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị X và ông Nguyễn Ngọc N có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 401.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ một triệu), yêu cầu tính lãi theo lãi suất Ngân hàng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Bản photo 01 (một) sổ hụi (có danh sách hụi viên kèm theo), 01 (một) biên nhận photo là giấy bà T cho rằng mua hụi; 01(một) giấy biên nhận đề ngày 26/3/2021 đối với số tiền vay.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tuy đã được triệu tập nhiều lần đến các phiên hòa giải, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến; Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền tại 02 dây hụi, do hụi chưa mẫn nên bà chỉ yêu cầu số tiền hụi đã đóng, dây hụi 10.000.000 đồng, khai ngày 24/9/2020A1, bà yêu cầu trả số tiền 103.980.000 đồng, rút lại số tiền 9.420.000 đồng; dây hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 25/02/2021A1 và mua hụi, bà yêu cầu trả số tiền 28.720.000 đồng, rút lại số tiền 28.880.000 đồng; tổng cộng hai dây hụi bà yêu cầu bà X, ông N trả số tiền 132.670.000 đồng, rút lại số tiền 38.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi với số tiền hụi; yêu cầu riêng bà X trả số tiền vay 230.000.000 đồng, thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu tính lãi suất từ ngày 26/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 38.300.000 đồng; bà yêu cầu bà X, ông N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hội 132.670.000 đồng, cụ thể: dây hội 10.000.000 đồng, khai ngày 24/9/2020A1, bà yêu cầu trả số tiền 103.980.000 đồng; dây hội 2.000.000 đồng, khai ngày 25/02/2021A1, bà yêu cầu trả số tiền 28.720.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Đối với số tiền vay, bà xác định cho bà X vay riêng nên chỉ yêu cầu bà X có nghĩa vụ trả cho bà 230.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 26/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà T xác định khi giao dịch hội, đóng tiền hội thì bà là người trực tiếp giao dịch với bà X, tất cả các lần này ông N đều không tham gia; ngoài những tài liệu, chứng cứ bà đã cung cấp thì bà không còn tài liệu, chứng cứ nào khác. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến, không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện tại 02 dây hội 38.300.000 đồng; bà chỉ yêu cầu bà X, ông N (chồng bà X) liên đới trả số tiền còn nợ hội 132.670.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Đối với số tiền vay, bà xác định cho bà X vay riêng nên chỉ yêu cầu bà X có nghĩa vụ trả cho bà 230.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 26/3/2021A1 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ bà T khởi kiện là giấy hội 2.000.000 đồng khai ngày 25/02a1/2021 do bà Xê lập, thể hiện bà X làm chủ hội, bà T có tham gia với tư cách hội viên cùng nhiều hội viên khác. Quá trình thực hiện giao dịch, bà X tự ý ngưng hội không được sự đồng ý của hội viên, vi phạm nghĩa vụ chủ hội, dây hội hiện chưa kết thúc nên bà T yêu cầu bà X trả số tiền đã góp là có cơ sở, phù hợp Điều 471 Bộ luật Dân sự và các Điều 18, 23 Nghị định 19 của Chính phủ.

Đối với dây hội 10.000.000 đồng/tháng, khai ngày 24/9/2020A1, bà T cho rằng đã đóng 103.980.000 đồng; phía bà T cung cấp là lời khai của bà Ngô Thị Thanh H xác định: “hội mở ngày 24/9A1/2020, có 22 hội viên, sau bổ sung thêm 02 vụ viên thành 24 hội viên, trong danh sách hội viên không có tên bà T nhưng có nghe bà T nói lại bà T tham gia và mua hội nhưng phía bà T xác định dây hội này có 26 hội viên, bà T tham gia 01 phần. Do lời khai của bà T và bà H không thống nhất nên không thể xem xét lời khai của bà H là chứng cứ trong vụ án. Đồng thời,

bà Trang không cung cấp chứng cứ thể hiện giữa bà T và bà X có giao dịch đối với đây hụi này nên không có cơ sở xem xét đối với số tiền 103.980.000 đồng.

Đối với hợp đồng vay tài sản giữa bà X với bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, thể hiện tại giấy vay tiền ngày 26/3a1/2021, bà X vay 230.000.000 đồng của bà Trang. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà X trả tiền nhưng đến nay bà X vẫn chưa thực hiện nên bà T khởi kiện yêu cầu bà X trả lại số tiền 230.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Về lãi suất, do bà X do bà X chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T nên việc bà T yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu buộc ông N (chồng bà X) phải liên đới cùng bà X trả số tiền nợ hụi. Bà T cho rằng trong thời gian làm chủ hụi, bà X và ông N là vợ chồng, việc bà X làm chủ hụi để làm vốn và phục vụ vào nhu cầu sinh hoạt thiết yếu trong gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 23/5/2022 của Tòa án: ông N, bà X chung sống với nhau từ năm 1979 nhưng không đăng ký kết hôn, là hôn nhân thực tế, xác định bà X, ông N là vợ chồng. Tuy nhiên, ngoài căn cứ này, bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà X làm chủ hụi ông N có hưởng lợi hoặc dùng tiền chơi hụi vào mục đích nhu cầu thiết yếu của gia đình nên không có cơ sở xem xét buộc ông N có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà T.

Đối với số tiền 38.300.000 đồng, bà T tự nguyện rút lại yêu cầu nên cần đình chỉ xét xử theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự, các Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với số tiền hụi yêu cầu 38.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi trên số tiền hụi.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với bà Trần Thị X.

- Buộc bà Trần Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T tiền hụi 28.720.000 đồng và tiền vay 230.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 26/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với số tiền hụi 103.980.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc N liên đới cùng bà X trả số tiền hụi 28.720.000 đồng và tiền vay 230.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu bị đơn X, ông N trả tiền nợ hụi, tiền vay; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp “*hợp đồng dân sự, hụi; vay tài sản*” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện C căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn Trần Thị X, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc N tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Căn cứ xác lập và thực hiện hợp đồng:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2022, nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T cho rằng bà Trần Thị X làm chủ nhiều dây hụi có nhiều hụi viên tham gia, trong đó bà tham gia 02 dây hụi, 01 dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 25/02a1/2021 tham gia 02 chân; 01 dây hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 24/9A1/2020; bà đã đóng nhiều kỳ với tổng số tiền 171.000.000 đồng, hụi chưa mãn nhưng bà X tự ý ngưng hụi và bỏ địa phương đi cho đến nay, bà X cố tình né tránh không trả tiền hụi, mặc dù bà đã nhiều lần đòi tiền hụi. Giữa bà Trần Thị X và ông Nguyễn Ngọc N là vợ chồng, hôn nhân vẫn còn tồn tại, còn chung sống cùng nhau; bà X làm chủ hụi để làm vốn kinh doanh và sinh hoạt chung trong gia đình. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc bà X, ông N có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 171.000.000 đồng (một trăm bảy mươi một triệu), không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, ngày 26/3/2021A1, bà có cho bà X vay số tiền 230.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, việc các bên xác lập hợp đồng vay chỉ có bà và bà X nên bà yêu cầu bà X phải có nghĩa vụ trả cho bà và thay đổi yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 26/3/2021A1 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà T tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền tại 02 dây hụi 38.300.000 đồng; bà chỉ yêu cầu bà X, ông N (chồng bà X) trả số tiền nợ hụi 132.670.000 đồng, đây là số tiền thực tế bà đã đóng hụi cho bà X; không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với số tiền vay, bà T yêu cầu bà X trả cho bà 230.000.000 đồng tiền vay, yêu cầu tính lãi theo từ ngày 26/3/2021A1 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[4.2] Căn cứ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Kèm theo đơn khởi kiện, bà T cung cấp 01 sổ hui 2.000.000 đồng/tháng, khai 25/02/2021A1, sổ hui thể hiện hui viên “T. Hải” (tên gọi khi tham gia chơi hui của bà Nguyễn Thị Thùy T) và những hui viên khác cùng tham gia. Bà X trực tiếp đứng ra làm chủ hui với nhiều hui viên tham gia trong đó có bà T; đã trực tiếp đóng nhiều kỳ tài các dây hui, hui chưa mãn nhưng bà X đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui, tự ý ngưng hui và bỏ địa phương đi cho đến nay.

Tại biên bản xác minh do Cán bộ Tòa án lập ngày 31/5/2022 được đại diện Ủy ban nhân dân xã M cung cấp thông tin: “bà Trần Thị X (tên gọi khác là Sáu X), vợ ông Nguyễn Ngọc N nơi cư trú tại ấp M.Đ, xã M; bà X làm chủ nhiều dây hui, khi có thông tin bà X bỏ địa phương đi cho đến nay có nhiều hui viên đến trình báo, địa phương hướng dẫn khởi kiện theo thủ tục dân sự tại Tòa án”.

Tại biên bản lấy lời khai của hui viên tham gia cùng bà T tại dây hui 2.000.000 đồng, mở ngày 25/02/2021A1, được hui viên đều xác định có tham gia chơi hui do bà X làm chủ cùng với hui viên “T.H”, do là người cùng địa phương nên khi Cán bộ Tòa án làm việc mới biết tên thật là Nguyễn Thị Thùy T, hui chưa mãn nhưng bà X tự ý ngừng giao dịch và bỏ địa phương đi; khi giao dịch hui với bà X thì các bà chỉ giao dịch với bà X, các lần này đều không có ông N tham gia.

Đối với số tiền hui 10.000.000 đồng, khai ngày 24/9/2020A1, bà T yêu cầu bà X có nghĩa vụ trả số tiền bà đã đóng 103.980.000 đồng; tuy nhiên, dây hui này bà T không cung cấp được sổ hui, không thể hiện hui viên tham gia cùng, ngoài tờ giấy tập caro bà T cho rằng giao dịch hui không thể hiện rõ nội dung và lời khai người làm chứng Ngô Thị Thanh H cung cấp có chơi hui cùng nhưng về sổ hui viên trong dây hui theo lời khai của bà T và bà H không thống nhất nên không có cơ sở vững chắc; ngoài ra, bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện giữa bà T với bà X thực hiện giao dịch hui tại dây hui này.

Với những phân tích trên, có căn cứ xác định việc bà T thỏa thuận giao dịch hui với bà X là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật; Trong quá trình thực hiện giao dịch bà X với tư cách là chủ hui đã vi phạm nghĩa vụ đối với hui viên; Mặt khác, bà X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T về việc giao dịch hui, số tiền nợ hui.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền đã đóng tại dây hui 2.000.000 đồng là 28.720.000 đồng. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T đối với số tiền yêu cầu 103.980.000 đồng, tại dây hui 10.000.000 đồng, khai ngày 24/9/2020A1.

Đối với yêu cầu buộc ông N (chồng bà X) phải liên đới cùng bà X trả số tiền nợ hụi. Bà T cho rằng trong thời gian làm chủ hụi, bà X và ông N là vợ chồng và việc bà X làm chủ hụi để làm vốn và sinh hoạt trong gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 23/5/2022 của Tòa án: ông N, bà X chung sống với nhau từ năm 1979 nhưng không đăng ký kết hôn, là hôn nhân thực tế, xác định ông X, bà N là vợ chồng. Tuy nhiên, ngoài căn cứ nêu trên, bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc bà X làm chủ hụi ông N có hưởng lợi, hoặc dùng tiền chơi hụi vào mục đích nhu cầu thiết yếu của gia đình nên không có cơ sở xem xét buộc ông N có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà T.

Đối với số tiền 38.300.000 đồng, bà T tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ xét xử theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền vay, bà T xác định thỏa thuận giao dịch riêng với bà X; ông N hoàn toàn không biết, không liên quan gì đến việc vay tiền nên bà chỉ yêu cầu bà X có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay 230.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 26/3/2021A1 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp.

[4.3] Về lãi suất:

- Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hụi, đình chỉ giải quyết.

- Về tính lãi đối với số tiền vay: Bà T yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay 230.000.000 đồng từ ngày 26/3/2021A1 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/7/2022 là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể: 230.000.000 đồng x 10%/năm (từ 26/3/2021A1 nhằm ngày 07/5/2021 dương lịch đến 29/7/2022), tương ứng 28.622.000 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn).

Tổng cộng bà Trần Thị X (Sáu X) phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền hụi, tiền vay còn nợ và lãi trên số tiền vay, cụ thể: 28.720.000 đồng + 230.000.000 đồng + 28.622.000 đồng = 287.342.000 đồng (hai trăm tám mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn).

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền yêu cầu được chấp nhận và phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận cụ thể 103.980.000 đồng x 5%, tương ứng 5.199.000 đồng, do nộp tạm ứng dư nên được hoàn lại 4.801.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0010365 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn Trần Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, cụ thể: $287.342.000 \text{ đồng} \times 5\% = 14.367.000 \text{ đồng}$ (mười bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 18, 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. 1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với bà Trần Thị X (Sáu X) đối với số tiền hui.

Buộc bà Trần Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền nợ hui 28.720.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn), (1).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với số tiền hui 103.980.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu chín trăm tám mươi nghìn).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với số tiền yêu cầu 38.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền hui.

Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc N liên đới cùng bà X trả số tiền hui.

1.2 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với bà Trần Thị X về số tiền vay và yêu cầu tính lãi suất.

Buộc bà Trần Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền vay 230.000.000 đồng và tiền lãi 28.622.000 đồng, (2).

Tổng cộng (1) + (2): Buộc bà Trần Thị X (Sáu X) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T tổng số tiền 287.342.000 đồng (hai trăm tám mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 5.199.000 đồng (năm triệu một trăm chín

mười chín nghìn) án phí dân sự sơ thẩm, do nộp tạm ứng dư nên được hoàn lại số tiền 4.801.000 đồng (*bốn triệu tám trăm lẻ một nghìn*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010365 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị X (Sáu X) phải chịu 14.367.000 đồng (*mười bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Thùy T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Đối với, bà Trần Thị X (Sáu X), ông Nguyễn Ngọc N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong